TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 6 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thế Xương
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thanh Trang
Bà Dương Thị Hồng Thuỳ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2019/TLST–HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Châu T, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Ông Phạm S, sinh năm: 1955

Địa chỉ: 4xxx Welling Dr, San J, CA 9xxxx, Hoa Kỳ.

(các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 4 năm 2019, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Ngô Châu T trình bày:

Bà và ông Phạm S do quen biết và có thời gian tìm hiểu nhau thì tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Cả hai có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/10/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng bà chung sống hạnh phúc được khoảng thời gian ngắn, sau đó thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm, tính tình và lối sống. Bà T thì ở Việt nam trong khi ông S về lại Hoa Kỳ để sinh sống, vợ chồng không ở cùng một nơi nên tình cảm vợ chồng không được vun đắp. Vợ chồng bà đã nhiều lần gặp nhau để hàn gắn nhưng không

giải hoà được mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống vợ chồng không thể kéo dài. Nay bà thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Phạm S, không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau ly hôn.

Về con chung, về tài sản chung, về nợ chung: Bà trình bày là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo văn bản trình bày ý kiến và xin giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Phạm S trình bày:

Ông biết được sự việc bà Ngô Châu T nộp đơn ra Toà yêu cầu giải quyết ly hôn với ông. Những nội dung mà bà T nêu trong đơn khởi kiện ông xác nhận là đúng sự thật và không có bổ sung gì khác. Đối với yêu cầu của bà T, ông đồng ý ly hôn với bà T; về con chung, nợ chung và tài sản chung: Không có. Do hiện tại ông đang ở Hoa Kỳ, cách trở địa lý xa xôi và công việc bận rộn không có điều kiện để về tham gia vụ kiện. Do đó, ông xin được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án bao gồm tất cả phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, các phiên xét xử của Toà.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa bà Ngô Châu T và ông Phạm S là ly hôn, nguyên đơn bà Ngô Châu T đang ở Việt Nam, bị đơn ông Phạm S hiện đang ở nước ngoài (Hoa Kỳ) nên căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Châu T và ông Phạm S sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07 tháng 10 năm 2016 nên hôn nhân giữa bà Ngô Châu T và ông Phạm S là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn ông bà chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó ông S trở về Hoa Kỳ sinh sống, vợ chồng bà bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn về quan điểm sống. Mặc dù hai bên đã gặp nhau nhiều lần để giãn hoà nhưng không được. Nay bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông S. Theo lời trình bày của ông S thì ông cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà T. Xét thấy, cả hai bên đương sự đều cương quyết ly hôn, ông S có đơn xin Toà giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tham gia tố tụng, do đó Toà án cũng không thể hoà giải đoàn tụ theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của bà T và ông S đã lâm vào tình trạng nghiêm trọng, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục

đích hôn nhân không đạt được nên việc bà T yêu cầu ly hôn với ông S là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông S đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có sự tranh chấp thì các bên có liên quan có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch: Bà Ngô Châu T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Ngô Châu T.

Về hôn nhân: Bà Ngô Châu T được ly hôn với ông Phạm S.

Về con chung, về tài sản chung và về nợ chung: Bà Ngô Châu T và ông Phạm S thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì bên có liên quan có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Ngô Châu T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006785 ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

Bà Ngô Châu T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án; ông Phạm S được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thế Xương